

BÁO CÁO

V/v Nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế so Quý 4/2017
và nguyên nhân lỗ quý 4/2018

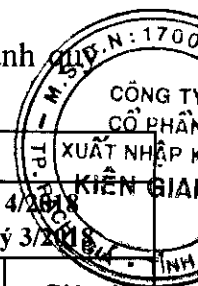
Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ mục a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả kinh doanh 4/2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Quý 4/2017	Quý 3/2018	Quý 4/2018	So sánh			
						Quý 4/2018 so Quý 4/2017		Quý 4/2018 so Quý 3/2018	
						Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
1	Sản lượng tiêu thụ								
1.1	Gạo	tấn	65.425,07	86.456,75	36.689,85	56,08	(28.735,23)	42,44	(49.766,91)
a	Xuất khẩu	tấn	43.982,50	66.855,94	8.535,71	19,41	(35.446,79)	12,77	(58.320,23)
	+ Thành phẩm	tấn	43.982,50	66.855,94	8.535,71	19,41	(35.446,79)	12,77	(58.320,23)
b	Nội địa	tấn	21.442,57	19.600,81	28.154,14	131,30	6.711,57	143,64	8.553,33
	+ Thành phẩm	tấn	14.967,03	17.963,76	25.531,12	170,58	10.564,09	142,13	7.567,36
	+ Phụ phẩm, lúa	tấn	6.475,54	1.637,05	2.623,02	40,51	(3.852,53)	160,23	985,97
1.2	Xăng dầu	m3	6.459,16	6.496,49	6.390,13	98,93	(69,03)	98,36	(106,36)
1.3	Cá cơm các loại	tấn	108,84	121,19	79,38	72,93	(29,46)	65,50	(41,81)
	+ Xuất khẩu	tấn	67,98	69,67	38,99	57,36	(28,99)	55,96	(30,68)
	+ Nội địa	tấn	40,86	51,52	40,39	98,85	(0,47)	78,39	(11,13)
2	Doanh thu thuần	tr.đ	843.771	1.153.136	465.991	55,23	(377.780)	40,41	(687.145)
3	Giá vốn hàng bán	"	738.990	1.057.491	442.491	59,88	(296.499)	41,84	(615.000)
	Trong đó: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	"	0	0	18.633	-	18.633	-	18.633
4	Lãi gộp	"	104.781	95.645	23.500	22,43	(81.281)	24,57	(72.145)
5	DT hoạt động TC	"	2.334	942	1.492	63,92	(842)	158,41	550
6	CP tài chính, trong đó:	"	16.609	20.489	8.544	51,44	(8.065)	41,70	(11.945)
	- CP lãi vay	"	15.497	9.334	11.117	71,74	(4.380)	119,10	1.783
7	CP bán hàng	"	45.899	68.002	15.025	32,73	(30.874)	22,09	(52.977)
8	CP Quản lý	tr.đ	17.152	7.958	13.686	79,79	(3.466)	-	5.727
9	LN thuần từ HĐKD	"	27.456	138	(12.262)	-	(39.718)	-	(12.400)
10	Thu nhập khác	"	562	3.392	1.114	198,41	553	32,85	(2.278)
11	Chi phí khác	"	9	424	229	2.601,00	220	-	(196)
12	Lợi nhuận khác	"	553	2.968	886	160,22	333	29,84	(2.082)
13	Tổng LN trước thuế	"	28.008	3.106	(11.377)	-	(39.385)	-	(14.483)
14	Chi phí thuế TNDN	"	6.091	621	(1.492)	-	(7.583)	-	(2.113)
15	LN sau thuế TNDN	"	21.917	2.485	(9.885)	-	(31.802)	-	(12.369)



Thuyết minh: Để phân tích và so sánh chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế quý 4/2018 so kỳ trước và cùng kỳ, Công ty sử dụng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, cụ thể như sau

Đánh giá chung: Lợi nhuận sau thuế quý 4/2018 lỗ 9,885 tỷ đồng. Lợi nhuận chưa trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho lãi 5,021 tỷ đồng, tăng 102,05% so kỳ trước (tăng 2.536 tỷ đồng) và giảm 77,09% (giảm 16,896 tỷ đồng). Nguyên nhân lợi nhuận quý 4/2018 giảm so cùng kỳ là:

1) Sản lượng bán ra quý 4/2018 là 34.066 tấn gạo các loại, giảm 42,21% so cùng kỳ (giảm 24.883 tấn), trong đó nhu cầu sản lượng gạo thơm giảm hơn cùng kỳ, trong khi tỷ lệ lợi nhuận của Công ty từ gạo thơm là chủ yếu.

2) Công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh được kiểm soát tốt hơn, cụ thể đơn giá chi phí thực hiện quý 4/2018 là 712 đ/kg giảm 35,88%, tương đương mức giảm 399đ/kg so quý 4/2017 và giảm 24,56% tương đương mức giảm 232 đ/kg so quý 3/2018.

Trên đây là báo cáo nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế Quý 4/2018 so Quý 4/2017 và nguyên nhân lỗ Quý 4/2018 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Đương Thị Thanh Nguyệt